

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 50

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 30/07/2017

Địa điểm: Giảng đường Linh Phong

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị liên hữu tôn kính, xin chào mọi người. Mời bỏ tay xuống. Chúng ta tiếp tục học tập môn oai nghi thứ 24:

“Già nạn của thọ giới cụ túc.”

Buổi giảng trước chúng tôi đã nói qua 13 trọng nạn của thọ giới cụ túc, tiếp theo sẽ nói đến:

“Mười sáu khinh nạn.”

So với “trọng nạn” mà nói thì “khinh nạn” tương đối nhẹ, thế nhưng cũng có trường hợp có thể gây trở ngại cho việc đắc giới, do đó đối với sa-di mà nói thì cần phải nắm rõ ràng. Cho dù là cư sĩ, nếu tương lai có khả năng phát tâm xuất gia thọ giới thì cũng cần biết. Đồng thời, đây cũng là thường thức cần phải biết để hộ trì chư tăng. Được rồi, mười sáu khinh nạn, một là:

“Không được độ nô lệ.”

Trong tiểu chú nói: “*Chủ nhà ban họ cho thì được.*” “Không được độ nô lệ” ở đây là vào thời xưa, đặc biệt là thời cổ Ấn Độ có chế độ nô lệ, thời xưa Trung Quốc cũng có nô tỳ trong nhà, họ thuộc về sở hữu của chủ nô lệ. Giả sử nô lệ trốn ra ngoài muốn xuất gia thì sẽ bị chủ nhân chê trách, đương nhiên nếu họ được chủ nô lệ thả ra, đưa đến xuất gia thì việc này đương nhiên là được. Trong tiểu chú còn nói, nếu chủ nhà, chính là chủ nhân của nô lệ, ban họ cho nô lệ, thời xưa bản thân nô lệ không có họ, ban họ cũng chính là biểu thị nô lệ đã được tự do, đồng thời cho phép xuất gia, như vậy thì có thể đến thọ giới. Khinh nạn thứ hai là:

“Không được độ kẻ gian.”

Đây là nói nếu trước đây họ vốn là kẻ trộm, hiện nay đến xuất gia, giả như bị phát hiện thì người ta sẽ gièm pha chê trách, tự viện này sao lại chứa phường trộm cắp. “Kẻ gian” ở đây đương nhiên cũng bao gồm loại người phạm pháp đang bỏ trốn, gọi là “người bị truy nã” v.v., những việc này đều nhằm đề phòng sự hoài nghi chê trách. Thế nhưng trong tiểu chú có nói rằng: *“Ở ngoài ngàn dặm, sửa đổi hướng thiện thì được.”* Nếu trước đây họ từng hành nghề trộm cắp, hiện nay đã rời khỏi xứ sở hơn ngàn dặm xa, cũng chính là nói không ai biết họ từng làm nghề gì, vả lại bản thân họ cũng đoạn ác tu thiện, sửa lỗi tự làm mới, không còn hành nghề trộm cắp nữa, hiện nay còn thực sự thành tâm hướng thiện, phát tâm xuất gia, như vậy thì được, cho nên ở đây cũng có khai duyên. Thứ ba là:

“Không được độ người thiếu nợ.”

Cũng có nghĩa là nếu họ chưa trả hết nợ, như vậy sau khi xuất gia vẫn sẽ bị truy đòi. Người xuất gia về lý thì không cầm giữ tích trữ tiền bạc vật báu, họ lấy đâu ra tiền để trả nợ? Cho nên người thiếu nợ phải trả hết nợ trước rồi mới có thể xuất gia. Do vậy trong tiểu chú nói: *“Hoặc trả xong, hoặc bạn bè người thân trả thay, hoặc chủ nợ xóa nợ thì đều được”*, đây là có khai duyên, chủ yếu là đề phòng chủ nợ đến truy đòi, sinh ra gièm pha chê trách. Nếu đã trả hết nợ nần, hoặc người thân bạn bè của họ đến trả nợ thay, hoặc là chủ nợ tùy hỷ công đức xuất gia của họ mà xóa bỏ món nợ đó, không cần họ trả nợ nữa, những trường hợp này đều có thể xuất gia, thọ giới cụ túc.

Đương nhiên đây là tình hình thời xưa ở Ấn Độ. Bởi vì thời xưa ở Ấn Độ có một tập tục, đặc biệt tôn trọng người xuất gia, cho nên dù lúc họ còn tại gia bị thiếu nợ, sau khi xuất gia, chủ nợ cũng không được tiếp tục yêu cầu họ trả nợ, có phong tục như vậy. Nếu như ở nước ta, lúc còn tại gia mắc nợ, giả như họ xuất gia rồi thì vẫn phải trả, như vậy cũng được, sẽ không chướng ngại họ đắc giới, chỉ cần họ tiếp tục trả nợ. Ví dụ nói, tiền tài mà người khác cúng dường họ, họ có thể dùng để trả nợ, việc này có thể được. Điều bốn là:

“Không được truyền giới cụ túc cho người chưa đủ 20 tuổi.”

Ở đây nêu tuổi tác quá nhỏ, chưa đủ 20 tuổi, 20 tuổi này cũng là nói theo tuổi âm lịch của Trung Quốc xưa, hiện nay 19 tuổi cũng có thể thọ giới cụ túc. Nếu chưa đủ 20 tuổi ta, như vậy là chưa đủ tuổi thành niên, sức nhẫn nại của họ vẫn chưa đủ,

cho nên không được cho phép họ thọ giới cụ túc, ở đây bao gồm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đều là như vậy.

Tỳ-kheo-ni trước khi thọ giới cụ túc còn phải làm thức-xoa-ma-na trong hai năm, làm nữ học pháp, học sáu pháp. Không phạm sáu pháp, không phá giới, không khuyết giới, như vậy xong hai năm thì mới có thể tiến lên thọ đại giới tỳ-kheo-ni. Đủ 20 tuổi rồi mới có thể thọ giới cụ túc. Sa-di không cần trải qua hai năm học pháp, đủ 20 tuổi thì có thể trực tiếp thọ giới cụ túc. Người đủ 20 tuổi, gọi là đã thành niên, có thể kham chịu nhằn nại được tám loại khảo nghiệm gồm: *lạnh, nóng, gió, mưa, đói, khát, lời ác, trùng độc*, cũng chính là tướng trạng của đại trượng phu, người như vậy thì có thể thọ giới cụ túc. Tiếp theo là khinh nạn thứ năm đến thứ chín: **“Không được độ năm loại người bệnh: ghẻ, vẩy phấn trắng, ung nhọt, khô gầy, điên cuồng.”**

“Độ” này là chỉ giới sư truyền giới cho họ, trước khi truyền giới đều phải hỏi những điều này. Giới sư phải hỏi, thông thường là giáo thọ a-xà-lê hỏi trước, sau khi hỏi xong rồi báo cáo tăng đoàn, tăng đoàn thông thường gồm 10 thầy truyền giới ở giới trường. Đến khi đăng đàn truyền giới, yết-ma a-xà-lê còn phải chính thức hỏi lại lần nữa, sau đó mới có thể chính thức làm bạch tứ yết-ma truyền giới. Việc này đều phải trả lời đúng sự thật, nếu có trọng nạn khinh nạn thì không được nói dối, lấp liếm để qua cửa. Bởi vì trên giới đàn, ngoài đối mặt với chư Phật Bồ-tát ra còn có tăng bảo, 10 vị thầy là tăng bảo, còn có trời, rồng, quỷ thần hộ pháp v.v., nếu nói dối thì tội nghiệp này sẽ rất nặng.

Ở đây nói “không được độ người bệnh ghẻ”, ghẻ chính là ghẻ lở, là một loại bệnh về da có tính lây nhiễm. “Vẩy phấn trắng” cũng chính là lang ben, còn gọi là nấm da đầu, chính là một khoảng trắng trên đầu, gọi là nấm tóc. “Ung nhọt” chính là lở loét, “khô gầy” cũng chính là bệnh gầy còm, thân thể cực kỳ gầy ốm, giống như tình trạng của những người hút ma túy, gầy trơ xương như que củi. “Điên cuồng” chính là thần kinh không bình thường, người bị năm loại bệnh này thì không thể thọ giới cụ túc. Bởi vì tăng bảo vô cùng tôn quý, đã thọ giới cụ túc, gia nhập hàng ngũ tăng bảo, nếu có những bệnh này, bệnh thân tâm thì sẽ bị người thế gian hoài nghi chê trách, cho nên để bảo vệ sự tôn nghiêm của tăng bảo nên phải lựa chọn. Trong tiểu chú nói *“khỏi bệnh thì được”*, giả sử từng bị những bệnh này, nhưng đã chữa khỏi thì có thể cho phép họ xuất gia thọ giới cụ túc.

Trong Nam Sơn Tam Đại Bộ có “Yết-ma Sớ”, Yết-ma Sớ trích dẫn luật Thiện Kiển nói rằng: “Hai bệnh ghẻ và vẩy phần trắng”, chính là hai loại bệnh ghẻ lở hoặc vẩy phần trắng, chính là hai loại đầu. “Bất kể là đỏ trắng đen, thậm chí nhỏ như móng tay”, nghĩa là bất luận màu sắc của nó là đỏ, hay là trắng, hoặc là đen, thậm chí cỡ như móng tay. “Nếu lộ ra ngoài, dù phát triển hay không phát triển đều không được độ”, giả sử loại bệnh nấm, bệnh ngoài da này lộ ra bên ngoài, chính là vị trí trên thân thể mà có thể nhìn thấy, ví dụ như trên đầu v.v., bất luận loại bệnh này phát triển hay không phát triển thì đều không thể độ họ xuất gia thọ giới cụ túc. “Nếu phát triển ở vị trí kín đáo thì không được, không phát triển thì được”, giả như bệnh nấm phát triển ở vị trí được che chắn, những bộ phận và vị trí mà quần áo che phủ được thì chia ra hai trường hợp: phát triển và không phát triển. Nếu bệnh này phát triển, tức là nó sẽ diễn biến ngày càng nghiêm trọng thì không được; giả như bệnh này không phát triển, như vậy có thể để họ xuất gia thọ giới cụ túc. Cho nên già nạn này cũng có khai duyên. Điều thứ mười là:

“Cha mẹ không cho phép thì không được độ cho xuất gia.”

Điều này cũng rất quan trọng, muốn xuất gia thì phải được cả hai cha mẹ cho phép. Giả như cha mẹ phản đối quyết liệt mà mình vẫn khăng khăng muốn xuất gia thì cha mẹ sẽ rất đau lòng, thậm chí sẽ tự tử, cũng có khả năng phát sinh trường hợp này. Có cha mẹ thậm chí tìm đến tự viện để làm âm ỉ, muốn tìm người, muốn bắt người đi, việc này sẽ khiến toàn bộ tăng đoàn đều không an ổn. Như vậy cho nên Phật không cho phép, nếu cha mẹ không cho con cái xuất gia thì con cái không được xuất gia. Đương nhiên, trong tiểu chú nói: “Xin được cho phép thì được”, nếu con cái cầu xin cha mẹ, khiến cha mẹ cho phép, sau cùng chẳng còn cách nào khác đành phải cho phép thì cũng có thể xuất gia.

Thậm chí cổ đức còn có người dù cha mẹ không cho phép vẫn cứ xuất gia, như lão hòa thượng Hư Vân chính là người như vậy. Mẹ của ngài mất sớm, cha ngài đương nhiên không cho phép ngài xuất gia, nhưng ngài đã lén trốn đi xuất gia. Loại này đương nhiên, bởi vì chế định ra khinh nạn này chủ yếu là đề phòng trường hợp cha mẹ không cho phép, nếu con cái một mực xuất gia, cha mẹ sẽ đến tăng đoàn gây náo loạn, sẽ phiền nhiễu tăng chúng, việc này nếu tăng đoàn có thể khéo léo hóa giải, hoặc thuyết phục được cha mẹ của họ v.v. thì đều có thể thành tựu. Như lão hòa thượng Hư Vân cũng là trường hợp này, cha ngài đến tìm ngài, ngài chỉ còn cách trốn, cha ngài không còn cách nào khác, tìm không ra. Trường hợp này cổ đức cũng

gặp phải, việc này cũng sẽ không trở thành chướng ngại thọ giới cụ túc của họ. Được rồi, tiếp theo là điều thứ 11:

“Không được độ người làm quan.”

Cũng chính là những quan chức đang chấp hành nhiệm vụ, nếu xuất gia như vậy thì sẽ tạo thành tổn thất cho đất nước. Bởi vì khi Phật còn tại thế, lúc đó một vị dũng tướng dưới triều vua Ba-tư-nặc xuất gia, kết quả vị dũng tướng này có thể bảo vệ đất nước khi quân địch đến xâm lăng, ông có thể bảo vệ, nếu vị dũng tướng này xuất gia thì người thế gian sẽ gièm pha chê trách: “Anh xem, vị dũng tướng này xuất gia rồi, đất nước không người bảo vệ, làm thế nào đây?” Cho nên nhằm đề phòng gièm pha chê trách, Phật đã chế định điều giới này. Cho nên quan chức đang chấp hành nhiệm vụ thì không được xuất gia thọ giới cụ túc. Trong tiểu chú nói: *“Hết quan lộc thì được, vua cho phép cũng được.”* Hết quan lộc ở đây cũng chính là họ đã về hưu hoặc là họ về hưu sớm, xin phép về hưu, từ chức sớm, việc này đều được. Quốc gia đã cho phép, đã phê chuẩn, có thể nói họ đã từ chức, đương nhiên có thể cho phép họ xuất gia thọ giới. Quốc vương, cũng chính là lãnh đạo chính phủ của đất nước đã chấp thuận, cho phép, phê chuẩn, để họ xuất gia, chính là để họ giải nhiệm thì có thể được.

Ngoài ra, đương nhiên trong số người làm quan cũng có trường hợp, nếu là quan chức quan trọng, liên quan đến sự vận hành và hoạt động của đất nước, loại người này chưa được sự phê chuẩn thì không thể tự mình đi xuất gia; nếu là một quan nhỏ thông thường, họ đi hay không đi thực sự cũng không ảnh hưởng gì lớn. Nếu là nhân viên chính phủ thông thường thì trường hợp này không trở ngại gì, chủ yếu là sợ ảnh hưởng đến hoạt động quản lý của quốc gia, khiến đất nước bị tổn thất rất lớn, trường hợp này mới không cho phép. Hiện nay chúng ta nói đại khái ít nhất phải là cán bộ cấp sở, cấp cục trở lên thì mới có thể nói là gây ra một số ảnh hưởng đến đất nước. Đương nhiên thông thường mà nói, chỉ cần họ gửi đơn từ chức, được phê chuẩn rồi thì đều được cả. Tiếp theo là điều thứ 12:

“Không được không có y bát mà thọ cụ túc, cũng không được mượn y bát mà thọ cụ túc.”

Xuất gia thọ giới cụ túc đều phải đầy đủ ba y một bát, bởi vì đây là thứ mà người xuất gia chúng ta đều phải có, là tràng tượng thánh hiền của ba đời chư Phật. Chúng ta xuất gia làm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thì phải có những thứ này, tỳ-kheo-ni còn phải có 5 y. Ở Trung Quốc chúng ta, hiện nay cũng đã bắt đầu yêu cầu 5 y, bởi vì

trước đây thông thường là ba y, hai y còn lại đều không có, hiện nay đều phải có, đây là việc tốt. Nếu thiếu y hoặc bát thì không được thọ giới cụ túc. Nếu bản thân không có, mượn của người khác, mượn của người khác chính là sợ sau khi thọ giới, người ta lập tức đòi chúng ta trả lại, như vậy khác nào chúng ta không có y bát, cho nên Phật cũng không cho phép mượn y bát của người khác để thọ giới cụ túc. Giả như đối phương không yêu cầu bạn trả lại ngay, hoặc họ để cho bạn mượn dùng tiếp, sau đó sẽ từ từ để bạn tùy ý sử dụng, thậm chí sẽ cúng dường cho bạn, sẽ không yêu cầu bạn trả lại, như vậy thì được. Cho nên trong tiểu chú nói: *“Người cho mượn cho phép mình mua xong rồi mới trả, không đòi ngay thì được”*, chính là người cho bạn mượn y bát, nếu họ cho phép bạn thọ giới cụ túc, bởi vì thời gian thọ giới có lẽ rất gấp rút, bạn vẫn chưa kịp mua y bát cho mình, đợi bạn mua xong y bát, bạn có y bát rồi mới trả lại cho họ cũng không sao, như vậy có thể mượn y bát của người để thọ giới cụ túc, việc này có thể đắc giới, đây là một loại khai duyên.

Đương nhiên y bát cũng phải như pháp, môn tiếp theo chính là môn oai nghi thứ 26 nói đến “danh tướng sáu vật dụng của tỳ-kheo”, sẽ giải thích cụ thể vấn đề ba y bát và vật dụng, đều có yêu cầu như pháp. Nếu y bát và vật dụng không như pháp, trường hợp này không thể thọ trì. Nói cách khác, y bát không như pháp, bạn có thể đắc giới hay không? Thông thường chúng ta đăng đàn thọ giới đều phải mang theo ba y một bát, còn có vật dụng, sáu vật dụng này đều phải mang theo. Nếu những thứ này không như pháp thì có thể thành tựu việc thọ giới hay không? Nếu dựa vào luật Tứ Phần thì như vậy không được; thế nhưng trong luận Tát-bà-đa có thể cho phép, chính là người không có y bát có thể đắc giới, song lại bị tội, sẽ bị tội nhỏ, chính là không như pháp. Cho nên trường hợp này tuy không gây chướng ngại, không chướng ngại đắc giới, nhưng họ cũng bị tội. Tiếp theo điều thứ 13:

“Không tự xưng pháp danh.”

Khi thọ giới cụ túc phải tự xưng pháp danh, con tên gì đó, con là Định Hoàng, “gì đó” chính là tự nói pháp danh, chính là nói tên của mình, biểu thị bản thân có nguyện vọng thọ giới cụ túc. Nếu không nói ra thì chúng tỏ bạn không có tâm thọ giới. Không có tâm thọ giới thì đương nhiên không đắc giới, việc này cần phải nhất tâm chuyên chú, chí thành khẩn thiết để thọ giới cụ túc thì mới có thể đắc giới. Điều thứ 14:

“Không chịu nói tên của hòa thượng.”

“Hòa thượng” chính là chỉ cho hòa thượng đặc giới. Khi xuất gia cũng có hòa thượng và a-xà-lê của mình, chính là hai thầy truyền giới sa-di, cũng phải tự xưng pháp danh, nói tên gọi và pháp danh của hòa thượng. Nếu không chịu nói tên của hòa thượng, chứng tỏ bạn không thừa nhận vị sư trưởng đó, đây là không tôn trọng sư trưởng, không có tâm tôn trọng sư trưởng thì đương nhiên cũng không đặc giới. Cho nên, thọ giới quan trọng nhất chính là chí thành khẩn thiết, y theo pháp thức nghi quỹ để thọ giới, không được tùy tiện, nếu có tâm tùy tiện thì chính là tâm khinh mạn, tâm khinh mạn sẽ chướng ngại chính mình đặc giới. Giới thể phải từ trong tâm chí thành cung kính mà cầu được, không có tâm cung kính thì không đặc giới thể, không đặc giới thể thì thọ giới sẽ không đặc giới, giống như là không thọ, tương lai cũng chẳng thể “nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ”, cũng chính là nói vĩnh viễn bị khai trừ ở bên ngoài cửa lớn Phật pháp, việc này rất đáng tiếc. Cả đời cho rằng mình là tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo-ni, nhưng trên thực tế bản thân là hàng bạch y không có giới, vậy rất đáng tiếc. Tiếp theo là điều thứ 15:

“Dạy xin giới mà không xin.”

Thầy giáo thọ thông thường phải dạy dỗ, đây là a-xà-lê phải có trách nhiệm dạy dỗ, dạy giới từ đến xin giới cụ túc. Thế nào là “xin giới”? Môn tiếp theo là “xin pháp của hòa thượng” sẽ dạy chúng ta xin như thế nào. Nếu không chịu tuân theo pháp thức để xin giới, cầu hòa thượng truyền giới cho chúng ta, cầu mười vị thầy đến truyền giới, không chịu xin thì loại này cũng không đặc giới, chính là vì khinh thường pháp, hoặc trong tâm căn bản không nghĩ đến nguyện vọng thọ giới, nên đương nhiên không đặc giới. Trong luật điển, vì khi đó có tỳ-kheo miễn cưỡng truyền giới cụ túc cho người khác. Kéo họ lại, xuống tóc cho họ, truyền giới cho họ, người đó về sau bỏ trốn, trở về nhà. Cho nên đức Phật đã nói, không được miễn cưỡng truyền giới cụ túc cho người, phải để chính họ thật sự phát tâm đến xin giới, chứ không phải là bị cưỡng ép đi thọ giới. Được rồi, điều thứ 16 là:

“Mặc y phục của bạch y, y phục của ngoại đạo, vật dụng trang nghiêm v.v..”

Khi thọ giới, nếu mặc bạch y, chính là y phục của người đời; hoặc là y phục của ngoại đạo, phục sức của các tôn giáo khác, chứ không phải giống như chúng xuất gia mặc ca-sa; hoặc trên thân còn mang đeo các loại vật dụng trang nghiêm, ví dụ nữ trang, dây chuyền thì đều không được thọ giới. Trong luận Tát-bà-đa cũng nói đến việc không cạo râu tóc, không có y bát thọ giới thì đặc giới nhưng sẽ mắc tội. Chính

là nếu hình tượng của chúng ta không phải là hình tượng mà một người xuất gia nên có, vẫn còn để râu tóc, đặc biệt là tóc, vì sao phải cạo tóc? Vì đây chính là hình tượng đặc thù của người xuất gia chúng ta. Tóc biểu thị cho phiền não, phải đoạn trừ sợi dây phiền não này, râu cũng không được quá dài. Đương nhiên việc để râu này, chúng ta thấy một số tỳ-kheo già, người xuất gia lớn tuổi cũng để râu, giống như đại sư Hoằng Nhât có một tấm hình, ngài cũng để một chút râu, tóc không để dài thì cũng xem là được. Thế nhưng giới tử thì phải cạo bỏ, nếu không cạo bỏ râu tóc mà đi thọ giới, tuy không chương ngại thọ giới, nhưng cũng sẽ mắc tội. Cũng chính là nói sau khi thọ giới cũng phải sám hối tội này, trong giới tỳ-kheo thì điều này thuộc về phạm tội ở chương năm.

Đương nhiên trừ trường hợp có nạn duyên, nếu như ví dụ nói gặp nạn duyên, trộm cắp hoặc là nạn vua, không cho phép bạn mặc y phục của người xuất gia, nhưng bạn muốn thọ giới thì làm thế nào? Giống thời kỳ cách mạng văn hóa đều không cho bạn mặc y phục của người xuất gia, thế nhưng bạn cũng muốn thọ giới cụ túc, vậy bạn chỉ còn cách mặc đồ đời, có thể đắc giới hay không? Vẫn cho phép, nếu có nạn duyên thì được. Đương nhiên chúng xuất gia cũng không được phép mặc đồ đời, trừ trường hợp có nạn duyên, chẳng những thọ giới không được mặc mà bình thường cũng không được mặc. Như trong giới Bồ-tát nói, tỳ-kheo ở trong tất cả cõi nước, “tỳ-kheo đều phải ăn vận khác với người đời”, đồ họ mặc phải khác với y phục của người đời, chính là phải mặc ca-sa. Điều này Đại thừa và Tiểu thừa đều chế định như nhau, cùng chế định giống nhau, nếu mặc đồ đời thì cũng sẽ mắc tội.

“Lại nữa, 60 tuổi không được thọ giới cụ túc, chỉ cho làm sa-di.”

Đại sư Ngẫu Ích cũng căn cứ vào luật tạng, đây là trường hợp tương đối nghiêm ngặt, đã tròn 60 tuổi thì không được đi thọ giới cụ túc nữa, chỉ có thể cho phép họ làm sa-di, đây là cách nói khá nghiêm ngặt. Ngoài ra còn cách nói khác căn cứ vào luật Tăng-kỳ, nói rằng: “20 tuổi trở lên, 70 tuổi trở xuống, có thể gánh vác vai trò trọng phụ thì được thọ giới. Nếu người lớn hoặc nhỏ tuổi hơn, dù có thể gánh vác, và người tuổi tuy hợp pháp nhưng chẳng thể kham nhẫn, thì không được truyền giới cho họ.” Luật Tăng-kỳ nâng độ tuổi lên đến 70, không phải là 60 tuổi. Người đủ 20 tuổi trở lên, người dưới 70 tuổi, nếu có thể kham nhẫn công việc của tỳ-kheo, cũng chính là có thể chịu khổ, cái khổ của người xuất gia, ví dụ quá ngộ không ăn, ví dụ trước đó nói, nhẫn chịu lạnh nóng, gió mưa, đói khát, còn có lời ác và sự phỉ báng của người khác, cho đến trùng độc. Bạn ngồi dưới đất ở ngoài trời,

ngồi nơi mờ mờ, ngồi dưới cây, bạn có khả năng gặp muỗi, côn trùng đến cắn bạn, bạn có thể chịu đựng, chính là kham nhẫn, đây là tướng trạng của đại trượng phu, như vậy thì có thể cho phép họ thọ giới cụ túc. Nếu không đủ tuổi, tức là chưa đến 20 tuổi, hoặc tuổi tác hơn 70 tuổi, vậy đương nhiên không thể thọ được nữa.

Ngược lại, nếu đã đủ 20 tuổi, hoặc là dưới 70 tuổi, tức là tuổi tác phù hợp, đây thuộc về “hợp pháp”, đây là sa-di thuộc về “sa-di hợp pháp”, là có thể thọ giới. Thế nhưng “chẳng thể kham nhẫn”, tức không thể nhẫn nại những việc mà tỳ-kheo cần phải nhẫn nại, thì không thể truyền giới cụ túc cho họ, cho nên chủ yếu vẫn là xem họ có thể nhẫn nại hay không, xuất gia cũng phải chịu được khổ. Quan trọng nhất chính là giới luật, như tỳ-kheo, tỳ-kheo dựa vào luật Tứ Phần để thọ giới thì phải có 250 giới điều, tỳ-kheo-ni phải thọ 348 giới điều, những giới luật này, bạn thọ giới rồi thì trước hết phải học tập, sau khi học tập thì mỗi điều đều phải thọ trì, đối với khai giá trị phạm của các giới đều phải thông đạt, phải thông đạt giới tướng. Nếu bạn không thể học tập, vậy bạn không thể thọ giới.

Cho nên không được có quan điểm: dù sao thọ giới chỉ là hình thức, sau khi ta thọ giới cũng không cần học giới, chỉ cần niệm Phật cho tốt là được. Như vậy trên thực tế bạn thọ giới song không đắc giới, vì sao vậy? Trong luật Tăng-kỳ nói, bạn phải “có thể gánh vác vai trò trượng phu.” “Có thể gánh vác” này bao gồm bạn có thể học giới cho tốt. Nếu bạn biết rõ mình không thể học giới tốt, vậy bạn đi thọ sẽ không đắc giới, bởi vì đắc giới yêu cầu phải phát tâm trì giới. Ngay cả giới bạn còn không muốn học thì sao bạn có thể trì? Do vậy trên thực tế việc này chính là đang dối gạt Phật Bồ-tát, dối gạt tam bảo mà thôi, như vậy chi bằng đừng đi thọ giới. Nếu đã thọ giới thì phải học giới cho tốt, vậy mới không đến nỗi gọi là dối gạt tam bảo, mắc trọng tội. Bạn niệm Phật chưa chắc có thể đắc tam-muội, mà đã mắc trọng tội trước rồi, như vậy không tốt cho nên đã thọ giới thì chúng ta phải học giới cho tốt. Nếu không chịu hết lòng học giới thì ta thà đừng thọ giới, đừng đi lừa dối, lừa gạt chư Phật Bồ-tát, lừa gạt sư tăng tam bảo. Tiếp theo chúng ta xem môn oai nghi thứ 25, đó là:

“Hai mươi lăm: xin pháp của hòa thượng.”

Ở đây nói đến sa-di, còn có thức-xoa-ma-ni, thức-xoa-ni khi đi thọ giới cụ túc thì làm thế nào để “xin pháp của hòa thượng”. Hòa thượng giống như cha mẹ pháp thân của chúng ta, vô cùng quan trọng. Đương nhiên hòa thượng cần có tiêu chuẩn, tỳ-kheo ít nhất là từ 10 lạp trở lên mới có thể truyền giới cụ túc cho người, làm hòa

thượng. Tỳ-kheo-ni ít nhất phải từ 12 lạp trở lên mới có thể độ đệ tử, truyền giới cụ túc cho người, hơn nữa còn phải giới hạnh thanh tịnh, không được phạm giới, không được không thanh tịnh.

“Hòa thượng” tiếng Phạn gọi là “ưu-ba-đà-da”, dịch sang tiếng Trung gọi là “nương vào học tập”, nghĩa là chúng ta nương tựa thân cận người này thì có thể học tập thánh đạo ra khỏi sanh tử thế gian, đây gọi là “nương vào học tập”. Còn gọi là “sanh lực”, nghĩa là người này có sức mạnh, có năng lực sanh khởi pháp thân huệ mạng của đệ tử, nên gọi là hòa thượng. “Xin pháp của hòa thượng” chính là khai thỉnh pháp độ của hòa thượng. Chúng ta xem điều thứ nhất:

“Không có hòa thượng thì không được thọ giới cụ túc. Nếu có hai vị hòa thượng, cho đến nhiều vị hòa thượng thì cũng không được thọ giới cụ túc. Khi sắp thọ giới cụ túc, nếu hòa thượng truyền mười giới của mình có mặt thì không cần mời thêm. Nếu thầy của mình không có mặt thì phải chọn mình sư để thỉnh. Trích áo, hồ quỳ, chấp tay, nói như vậy: ‘Con là ... , nay thỉnh đại đức làm hòa thượng. Xin đại đức làm hòa thượng của con, con xin nương đại đức để được thọ giới cụ túc.’ Nói như vậy ba lần.”

Môn này tương đối đơn giản, chỉ có một đoạn này. Nói rằng nếu không có hòa thượng thì không thể thọ giới cụ túc, bởi vì đắc giới là nhờ vào hòa thượng, nhờ vào mười vị thầy mà đắc giới, nếu không đủ thì đương nhiên sẽ không đắc giới. Khi thọ giới cụ túc cũng không được có hai vị hòa thượng, chỉ được theo một vị hòa thượng, họ là thân giáo sư của bạn. Thân giáo sư chính là đích thân dạy dỗ bạn, là vị sư trưởng mà bạn phải theo ngài học pháp, ở đây không được có hai vị, thậm chí nhiều vị. Có nghĩa là nếu bạn theo nhiều vị sư trưởng thì sao bạn có thể học thành được? Cho nên bạn xem giới pháp ở đây đều chế định phải theo một vị sư trưởng học. Nếu bạn nghĩ mình muốn đồng thời học với hai vị hòa thượng, xin lỗi, bạn thọ giới sẽ không đắc giới. Nói cách khác, ngay cả tư cách thọ giới thì bạn cũng không có, huống hồ là học thành tựu? Không thể học thành.

Cho nên, đối với người sơ học chúng ta nhất định phải chú ý điều này, phải theo một vị sư trưởng học tập. Thế nên trong giới pháp, về pháp thức đã trực tiếp quy định rằng: không được theo “hai vị hòa thượng”, hoặc “nhiều vị hòa thượng” để thọ giới cụ túc. Bởi vì chúng ta xuất gia thọ giới cụ túc, đây mới là nhập môn để cầu giải thoát, “nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ”. Vị hòa thượng này chính là cha mẹ pháp thân huệ mạng của chúng ta. Cha mẹ này cũng không thể có hai người, chỉ có

một người cha, một người mẹ, không thể có hai người cha, thế nên việc này cũng như vậy. Chúng ta trước tiên phải theo một vị hòa thượng học tập, nương vào ngài mà học tập; học thành rồi mới có thể đi học rộng nghe nhiều.

Ở đây nói rằng khi sắp thọ giới cụ túc, nếu vị hòa thượng trước đây truyền mười giới sa-di cho chúng ta có mặt, chính là hòa thượng thế độ cho chúng ta, thông thường sau khi thế độ đều phải lập tức đồng thời thọ mười giới sa-di. Thế nhưng ở Trung Quốc, rất nhiều đạo tràng không làm như vậy, thế độ chỉ cạo tóc đi là xong, nhiều nhất là làm một pháp thức thế độ, song không chính thức thọ mười giới sa-di. Nói cách khác, họ chỉ là sa-di trên hình thức, không thật sự đắc giới thể sa-di, thể của họ vẫn là bạch y, tức giống như người đời. Trường hợp này trong sách Sa-di Luật Nghi Yếu Lược Tập Chú của luật sư Quảng Hóa có nói đến vấn đề này, nói không được làm như vậy. Xuất gia thì đều phải truyền giới sa-di cho họ, để họ trở thành một sa-di như pháp, thật sự có pháp, tức là sa-di có giới thể, như vậy họ thọ lợi dưỡng của tăng đoàn mới không uổng phí.

Nếu chúng ta có hòa thượng đắc mười giới sa-di, vị hòa thượng này đương nhiên cũng phải giống với điều kiện của hòa thượng đắc giới của giới cụ túc, 10 hạ lập trở lên, tỳ-kheo-ni là 12 hạ lập trở lên, cũng đầy đủ giới thanh tịnh, hơn nữa còn là bậc thầy mô phạm, có thể làm thầy của người. Người như vậy thế độ cho chúng ta, chúng ta theo họ học pháp, tương lai cũng phải theo họ để thọ giới cụ túc. Đương nhiên bởi vì phương diện thế độ hiện nay, rất nhiều nơi không hết lòng chú trọng đến pháp thức này, hơn nữa rất nhiều chúng xuất gia vì để có nhiều đệ tử nên cũng làm một cách tùy tiện. Đương nhiên muốn thọ giới cụ túc thì không được tùy tiện như vậy, bởi vì đây là muốn gia nhập vào hàng ngũ tăng bảo, cần phải hết sức nghiêm túc. Thế nên ở Trung Quốc, cho đến Đài Loan rất nhiều nơi đều như vậy, khi nói đến thọ giới cụ túc, khi đăng đàn thọ giới cụ túc thì đều đặc biệt thỉnh mời hòa thượng đắc giới, mời mười vị thầy đến hoàn thành việc truyền giới. Đây cũng là một việc tốt, chính là có thể đặc biệt làm theo giới pháp thì không đến nỗi tùy tiện qua loa, dẫn đến người xuất gia, người thọ giới không thể đắc giới, bởi vì việc này liên quan đến việc lớn cả đời của họ. Nếu họ không đắc giới mà cho rằng mình đã đắc giới, trên thực tế cả đời chỉ là một người thế tục, là người thế tục trọc đầu, chứ không phải là một tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni đích thực, như vậy thì vô cùng đáng tiếc. Cho nên thọ giới, rất nhiều nơi của chúng ta thông thường đều đặc biệt sắp xếp giới đàn, hơn nữa

pháp thức vô cùng long trọng, như hiện nay thông thường thọ giới đều là phải một tháng.

Ở tinh xá Chánh Giác - Đài Loan, thọ giới là 45 ngày, nhiều hơn 15 ngày, bởi vì có nhiều điều cần học tập hơn. Thông thường ở giới trường, sau khi truyền giới còn phải giảng giới bốn cho các giới tử, có thể dùng Tỳ-kheo Giới Tướng Biểu Ký, hoặc dùng Tỳ-kheo Giới Bốn Thiện Thích của luật sư Diệu Nhân, Tỳ-kheo-ni Giới Bốn Thiện Thích vẫn chưa có, tương lai nếu có nhân duyên có thể soạn ra một bản, đặc biệt giảng giải tóm lược về giới tỳ-kheo-ni cho người ở trên giới đàn. Có Tỳ-kheo-ni Giới Tướng Biểu Ký, do tỳ-kheo-ni Thắng Vũ thời cận đại biên soạn, dựa vào Tỳ-kheo Giới Tướng Biểu Ký của đại sư Hoằng Nhất mà soạn ra. Hiện nay chúng tôi cũng đang giảng hai quyển này, nhưng đối với hàng sơ học mà nói thì sẽ có một chút độ khó, nếu sau này biên soạn quyển giải thích tóm lược về giới bốn của tỳ-kheo-ni thì sẽ tiện lợi hơn khi giảng giải ở giới trường.

Ở đây nói nếu hòa thượng đắc giới sa-di có mặt thì “không cần thỉnh thêm” hòa thượng đắc giới, nhưng hiện nay thông thường đều phải mời thêm hòa thượng đắc giới khác. “Nếu thầy của mình không có mặt”, ví dụ nói bạn đến giới trường, đương nhiên nếu không phải là bốn sư thế độ cho bạn, “thì phải chọn minh sư”, chính là chọn hòa thượng như pháp như luật để truyền giới cụ túc cho bạn. Khi thọ giới phải dựa vào những pháp độ oai nghi để chính thức đi khai thỉnh, “trịch áo, hồ quỳ, chấp tay”. “Trịch áo” chính là chúng ta đắp ca-sa, ở Ấn Độ thì trực tiếp đắp ca-sa lên người, cho nên sẽ trịch áo hờ vai phải, ở Trung Quốc thông thường bên trong còn mặc áo hải thanh, giống như hiện nay tôi đắp ca-sa, bởi vì bên trong mặc áo hải thanh nên không phải là trịch áo hờ vai phải. Đây là vì người Trung Quốc tương đối thích chú trọng lễ nghi trên phương diện ăn mặc, nếu để vai trần thì xem ra không được văn minh. Thế nhưng ở Ấn Độ, ở những quốc gia Nam truyền hiện nay, trong quốc gia Phật giáo thì đều rất phổ biến, đây chính là lễ nghi của mỗi nơi khác nhau. Người Trung Quốc xem trọng việc mặc áo mũ phải chỉnh tề, thế nên chúng ta đã thay đổi để phù hợp, đắp ca-sa lên trên áo hải thanh của chúng ta, áo hải thanh trên thực tế là lễ phục thời xưa của Trung Quốc.

Quỳ gối chấp tay. “Hồ quỳ” thông thường là quỳ gối phải xuống, gối trái nhấc lên, còn gọi là “quỳ một gối”, nếu hai gối đều quỳ thì là quỳ gối. Khi xin giới, ở đây nói đến quỳ một gối, là cách quỳ của người Hồ, người Hán thông thường đều là quỳ hai gối xuống, quỳ bằng hai gối; “chấp tay”, chấp hai tay lại biểu thị ý nghĩa bản thân

cung kính, nhất tâm chuyên chú. Có câu: “Lòng thành bên trong hiện ra đáng vẻ bên ngoài”, trong tâm chúng ta có chí thành cung kính thì hình dáng, hình thể, hình tượng bên ngoài tự nhiên sẽ rất cung kính như vậy.

Sau đó “nói như sau”, tác bạch thể này, nói: “Con tên là..., nay thỉnh đại đức làm hòa thượng.” “Tên là” chính là tự xưng pháp danh, cũng có thể nói “con đệ tử là...”, bởi vì mình đối với hòa thượng, đối với 10 vị thầy đều tự xưng là đệ tử. “Hiện nay khải thỉnh đại đức”, đại đức là đối với hòa thượng, là cách xưng hô tôn kính dành cho tỳ-kheo, làm hòa thượng để con thọ giới cụ túc. Đoạn này nêu rõ kỳ vọng của chính mình, thể hiện kỳ vọng muốn thọ giới. “Xin đại đức làm hòa thượng của con”, đây là khẩn cầu hòa thượng ngài từ bi hãy làm hòa thượng đắc giới cho con, hồng hợp với lòng mong mỏi trước giờ của con. “Con xin nương đại đức để được thọ giới cụ túc”, nhờ vào duyên của đại đức nên con có thể thọ giới cụ túc. Dựa vào pháp thức mà Như Lai chế định mới có thể thọ giới thể của giới cụ túc, vì nhờ giới được định, nhờ định phát tuệ, tam vô lậu học nhân đây mà thành tựu.

Giới có thể đối trị tập khí phiền não của chúng ta, định có thể phục phiền não, khai trí tuệ thì có thể đoạn phiền não, đoạn phiền não mới có thể độ chúng sanh, sau cùng có thể thành tựu Phật đạo. Cho nên phát tâm như vậy, vì nguyên nhân phát tâm đại bồ-đề “rộng độ chúng sanh cùng thành Phật đạo” mà con đến xin thọ giới cụ túc. Khải thỉnh như vậy, “nói như vậy ba lần”, chính là nói ba lần, ba lần thưa thỉnh, như vậy biểu thị đầy đủ cung kính. Sau khi hòa thượng đã nhận lời thì tiếp tục lần lượt khải thỉnh từng vị yết-ma a-xà-lê, giáo thọ a-xà-lê, còn có 7 vị tôn chứng a-xà-lê đến truyền giới cụ túc cho mình. Các ngài đều nhận lời rồi, mười vị thầy chính là “ba vị thầy bảy vị chứng minh”, một vị hòa thượng, hai vị a-xà-lê, bảy vị tôn chứng, mười vị thầy cùng làm yết-ma, nhờ yết-ma gia bị, để chúng ta thọ giới cụ túc.

Trong lúc làm yết-ma, thông thường hòa thượng đều phải hướng dẫn giới tử duyên cảnh, phát tâm, quán tưởng, do nhớ nghĩ đến tất cả chúng sanh hữu tình và vô tình trong mười pháp giới của mười phương thể giới mà phát tâm bồ-đề. Sau đó quán tưởng, quán tưởng mây lành công đức năm sắc bay vọt lên hư không, như mây như lọng, che rợp trên đỉnh đầu của mình, biến thành hình cái phễu tuôn chảy vào thân tâm mình, chánh báo sung mãn. Thân thể ta trở nên có sức chứa lớn như hư không pháp giới, để nạp thọ giới pháp diệu thiện của mười phương vào trong tâm mình, trở thành giới thể của giới cụ túc. Việc này đều là hòa thượng hướng dẫn cho chúng ta, chúng ta nhất tâm chuyên chú như vậy thì có thể đắc giới. Được rồi, tôi đã giảng

xong môn “xin pháp của hòa thượng”. Tiếp theo chúng tôi giảng tiếp môn thứ 26, là môn sau cùng, chính là:

“Hai mươi sáu: danh tướng sáu vật dụng của tỳ-kheo.”

Đối với sa-di mà nói, tương lai nhất định phải thọ giới tỳ-kheo, sa-di-ni sau hai năm học giới pháp thì cũng phải thọ giới cụ túc của tỳ-kheo-ni, cho nên đều phải học tập những điều này. Đối với cư sĩ chúng ta, cho dù sau này không muốn xuất gia, nếu hiểu rõ những điều này thì cũng hết sức có ích cho việc hộ trì tăng bảo, tăng đoàn. Trước tiên giải thích hàm nghĩa của “tỳ-kheo”, tỳ-kheo có 3 ý nghĩa: một là làm ma kinh sợ, hai là khát sĩ, ba là phá ác. Làm ma kinh sợ chính là khiến ma sợ hãi. Ngay khi chúng ta xuất gia, khi sắp đăng đàn thọ giới cụ túc, lúc bấy giờ địa thần, không thần, thiên thần đều sẽ reo lớn lên rằng: người nào đó sắp thọ giới cụ túc, tăng bảo lại có thêm một thành viên mới. Lúc này cung điện của ma vương đều sẽ chấn động, hơn nữa ma vương còn sanh khởi tâm lo sợ lớn. Vì sao vậy? Bởi vì ma vương lo sợ tương lai tỳ-kheo này sẽ được giải thoát, ra khỏi tam giới thì quyền thuộc của mình lại mất đi một người. Bởi vì ông ta có tâm bủn xỉn, chính là dục vọng không chế, dục vọng chiếm hữu rất mạnh, ông ta không muốn quyền thuộc do mình cai quản đều bỏ chạy hết, đều ra khỏi tam giới, vậy sẽ không thể quản lý họ được nữa. Ma vương này chính là thiên chủ của cõi trời thứ sáu, trời cao nhất của Dục giới, chính là Ba-tuần. Thế nên tỳ-kheo có thể mang ý nghĩa “làm ma kinh sợ”.

Thứ hai là khát sĩ, khát sĩ chính là tỳ-kheo này là kẻ sĩ xin ăn, kẻ sĩ chính là người có học vấn, có đạo đức vào thời xưa. Tuy tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thuộc về người giống như kẻ ăn xin, ôm bát đi khắp nơi xin ăn, nhưng họ còn là người có đạo đức, có học vấn, thế nên được gọi là khát sĩ. Họ chính là trên xin Phật pháp để nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng, dưới xin y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, những nhu cầu cuộc sống để nuôi sống sắc thân của mình, nuôi dưỡng thân mạng, cho nên gọi là khát sĩ. Thứ ba là phá ác, phá ác chính là phá phiền não. Tỳ-kheo trì giới, tu định, khai tuệ, phá trừ kiết sử phiền não, thành tựu thánh quả, ra khỏi tam giới, cho nên gọi là phá ác.

Sáu vật dụng của tỳ-kheo, đây là 6 vật dụng mà chúng xuất gia thường mang theo người. Chính là ba y, chia thành: y năm điều an-đà-hội, y bảy điều uất-đa-la-tăng, còn có đại y tăng-già-lê, đây gọi là ba y. Tỳ-kheo-ni còn có y đắp vai, còn có tăng-kỳ-chi, tăng-kỳ-chi là áo che nách, chính là che bên dưới nách trái của mình, y đắp vai là che phủ vai phải của mình, đây là hai chiếc y. Tỳ-kheo có ba y, cộng với

ni-sur-đàn, thông thường chúng ta gọi là tọa cụ. Còn có bát-đa-la, chính là bát mà chúng ta dùng; còn có túi lọc nước, tổng cộng là sáu món. Tiếp theo sẽ giới thiệu danh tướng từng món một. Thứ nhất là:

An-đà-hội, gọi là “áo lót”, cũng gọi là “áo mặc làm việc”, hoặc là y năm điều, một ô dài một ô ngắn, hoặc là mạn y, hoặc là từ các y bảy điều và chín điều đã cũ, giáng cấp làm an-đà-hội mà thọ trì thì đều được. Tùy theo kích thước cơ thể của mỗi người, dài ba khuỷu tay, rộng năm khuỷu tay làm chuẩn, có thể giảm không thể tăng, không được giống như thời nay “dài ba rộng sáu”. Hai y còn lại cũng giống như vậy.

Thứ nhất giáng đến y an-đà-hội, còn gọi là y năm điều, dịch sang tiếng Trung gọi là “áo lót”, đây gọi là áo lót, tức là áo mặc sát thân thể chúng ta, đây là y năm điều sát bên mình nhất. Thông thường ở Ấn Độ, họ đều dùng làm váy, hiện nay chúng ta đều dùng nó giống như y bảy điều, giống như đại y đắp lên thân. Còn gọi là “áo mặc làm việc”, khi làm những việc tạp vụ thì phải khoác lên, ví dụ chấp tác lao động trong chùa, hoặc khi ra vào tới lui trên đường thì phải đắp y này. Hoặc là y năm điều, năm điều may vào nhau, năm điều này, mỗi điều là “một ô dài một ô ngắn”, đây là hình dạng của y; hoặc là “mạn y”, mạn y thì không cắt ra, tức là không có các ô dài ngắn. Giống như sa-di thông thường, hoặc cư sĩ thọ năm giới cũng có thể đắp mạn y, loại mạn y này chính là không cắt ra, không có hình dạng một ô dài một ô ngắn, có thể dùng mạn y để làm, để thay thế, thông thường cũng phải dán điều. Hoặc dùng y bảy điều, hoặc y chín điều, nếu cũ rồi thì có thể giáng cấp nó làm thành y năm điều để thọ trì, chính là làm thành y an-đà-hội để thọ trì, cũng dùng làm váy. Giống như tỳ-kheo Nam truyền, chúng ta thấy họ thông thường có thể đều mặc ba y ở trên thân. Bên dưới là váy, sau đó trên người đắp y bảy điều, đắp thêm cái nữa chính là y chín điều, y chín điều có khi không đắp, chỉ có y năm điều và bảy điều. Đây là nói đến hình dạng của y.

Nói đến kích cỡ của nó, chính là lớn nhỏ, “tùy theo kích thước cơ thể của mỗi người, dài ba khuỷu tay, rộng năm khuỷu tay làm chuẩn”, mỗi loại tùy theo kích cỡ thân thể của mỗi người, dài cũng chính là độ dài của nó, trên thực tế độ dài cũng là chiều ngắn, là ba khuỷu tay. Khuỷu tay này chính là khuỷu tay của cánh tay chúng ta, là một thước tám, ba khuỷu tay cũng chính là độ dài năm thước tư. Rộng thì năm khuỷu tay, cũng chính là chín thước, gọi là “dài ba rộng năm” chính là độ dài và rộng của y. “Có thể giảm, không thể tăng”, có thể giảm bớt, không thể tăng thêm, không

được quá dài, quá rộng, không được quá lớn, thà nhỏ một chút, nhỏ một chút cũng không sao. “Không được giống thời nay”, tức là hiện tại, khi đại sư Ngẫu Ích viết cuốn Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu, khi đó có người dùng “dài ba rộng sáu”, tức dài ba khuỷu tay, rộng sáu khuỷu tay, như vậy là quá kích cỡ. “Hai y còn lại cũng như vậy”, chính là y bảy điều và đại y cũng là như vậy, không được quá kích cỡ.

Nói đến y, ba chiếc y này có công án duyên khởi của nó. Căn cứ vào luật Tứ Phần của luật tạng thì có “quy định phép tắc mặc y”. Ở đây nói rằng, Phật nhìn thấy nhiều tỳ-kheo đi trên đường, gánh rất nhiều y, hết sức vất vả, khi đó đức Phật khởi niệm rằng: nên chế định bao nhiêu y cho các tỳ-kheo, không được giữ quá mức. Không được giữ quá nhiều, vậy bao nhiêu y thì phù hợp? Đầu đêm hôm đó, Phật ngồi ở ngoài trời, ngài mặc y năm điều, mặc một chiếc y. Đến giữa đêm thì cảm thấy hơi lạnh, liền khoác chiếc y thứ hai; đến cuối đêm lại cảm thấy lạnh hơn, liền khoác thêm chiếc y thứ ba, như vậy có thể an ổn qua đêm. Thế nên, Phật nhân đó chế định cho phép các tỳ-kheo thọ trì ba y, không được tích trữ nhiều hơn. Nếu có nhiều y, đây thuộc về trường y, trường y chính là y dư ra, thì phải dùng pháp thuyết tịnh để thọ trì, bằng không sẽ phạm giới.

Thế nên sa-di chúng ta khi sắp thọ giới, tốt nhất trước khi đăng đàn thì trước hết hãy xả bỏ tất cả y. Đưa cho một người khác, sau đó đắp ba y vào, sau khi xuống đàn, ngoại trừ ba y ra, còn lại đều là trường y. “Trường” chính là dài trong từ dài ngắn, đọc là “tàng”, chính là y dư ra, những chiếc y này đều phải thuyết tịnh lại lần nữa rồi mới được thọ trì, như vậy sẽ không phạm giới. Pháp thuyết tịnh, đợi sau khi sa-di thọ giới thì có thể xem Tăng Già Tác Trì Yếu Tập, dựa vào pháp thức này mà đối thú thuyết tịnh thì được.

Ca-sa này trong luật Tứ Phần nói rằng: “Ba đời Như Lai đều đắp y như vậy.” Chư Phật ba đời đều đắp ca-sa. Trong luật Tăng-kỳ nói: “Ba y là biểu tượng của sa-môn hiền thánh”, cho nên chỉ có chúng xuất gia mới có. Kinh Tạp A-hàm nói: “Tu tứ vô lượng tâm, mặc ba pháp y, đó chính là trang phục của đáng từ bi.” Tỳ-kheo lấy từ bi làm tâm, chúng ta tu tứ vô lượng tâm “từ bi hỷ xả”, mặc ba y làm pháp phục, đây là trang phục của đáng từ bi. Trong luật Thập tụng còn nói: “Do dùng dao cắt, biết đó là y của người tầm quý.” Ca-sa này là từng điều được may vào nhau, giống như y 25 điều trên người tôi, đây thuộc về đại y, mặc khi thuyết pháp, đây là cung kính pháp, đó là dùng dao cắt ra, đây thuộc về trang phục mà người tầm quý mặc. Bởi vì chúng ta mặc y, không mặc y tốt, chỉ mặc y do dao cắt ra, tức dùng dao cắt

qua, thuộc về vải vụn, đây là trang phục của người thấp kém mới mặc. Tỳ-kheo mặc loại trang phục này chính là phải sanh tâm hổ thẹn, hổ thẹn là thiện pháp.

Thế nên kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “Người đắp ca-sa, xả ly ba độc”, chính là ba độc phiền não tham sân si, chúng ta mặc y này thì nghĩ đến phải xả bỏ tham sân si. Trong luật Tứ Phần cũng nói: “Ôm ấp các kiết sử, không được đắp ca-sa”, đây nói càng nghiêm ngặt hơn, nếu bạn vẫn còn kiết sử, kiết sử chính là phiền não, thì không được mặc ca-sa. Nói cách khác, người mặc ca-sa thì phải dừng mãnh tình tấn đoạn trừ phiền não, mới kham thọ chiếc ca-sa này. Thế nên trong kinh Hiền Ngu cũng nói: “Người đắp y ca-sa, đối với sanh tử, nhanh được giải thoát.” Có thể có tâm lạnh, thật sự có đạo tâm xuất gia, mặc ca-sa thì tương lai ở trong biển khổ sanh tử sẽ rất nhanh chóng được giải thoát. Đây đều là những tâm thái mà người mặc ca-sa cần phải có, được nói trong luật điển, trong kinh giáo. Chúng ta tiếp tục xem, đoạn thứ hai nói về y bảy điều:

Hai là uất-đa-la-tăng, gọi là “áo khoác ngoài”, còn gọi là y nhập chúng, phải có bảy điều, hai ô dài một ô ngắn, phải được cắt ra, người nghèo thì dán điều lên cũng được, hoặc y chín điều hơi cũ thì giăng cấp làm uất-đa-la-tăng cũng được.

Đây nói về chiếc y thứ hai, gọi là “uất-đa-la-tăng”, dịch sang tiếng Trung gọi là “áo khoác ngoài”, chính là khoác trên thân. Y năm điều an-đà-hội phía trước là mặc ở dưới thân làm váy. Đương nhiên hiện nay, y năm điều, y bảy điều, y chín điều của chúng ta đều có thể đắp trên thân, còn có khóa móc, đây là người xứ Đông độ của chúng ta đã phát triển thành cách làm như hiện nay. Trên thực tế chúng ta ra ngoài vẫn là mặc áo tràng, không phải thật sự đắp ca-sa, đắp ca-sa chính là khi thật sự có pháp sự thì phải đắp lên. Không giống như quốc gia Phật giáo Nam truyền, tỳ-kheo của họ thật sự dùng ca-sa làm thường phục.

“Y nhập chúng” ở đây chính là mặc vào khi nhập chúng, cũng chính là khi có các pháp sự như lễ Phật, tụng kinh, tọa thiền, thọ trai, nghe giảng, bố tát, tự tứ, bao gồm công khóa sáng tối, nghe giảng kinh, giảng tòa đều phải đắp ca-sa, còn có ăn cơm, thọ trai chính là ăn cơm, đều phải đắp y ôm bát, nếu không cũng là trái quy định, phạm tội nhỏ. Y này có bảy điều, tức là mỗi điều có hai ô dài, một ô ngắn, đây là cắt vải ra, rồi may lại, hai ô dài một ô ngắn. Nếu là người nghèo, cũng chính là bản thân không cách nào có đủ nguyên liệu để làm y bảy điều, thì cũng có thể dùng miếng “dán điều” để dán lên, dán hai ô dài một ô ngắn lên cũng được. Hoặc là y chín

điều, thuộc về đại y tăng-già-lê, sau khi đại y hơi cũ thì có thể giáng cấp nó xuống làm y bảy điều uất-đa-la-tăng cũng được. Được rồi thứ ba là:

Tăng-già-lê, đây gọi là “y nặng”, còn gọi là “y nhiều mảnh”, phải có chín điều, hai ô dài một ô ngắn. Luật Tăng-kỳ cho phép đến 15 điều, không được hơn. Luật Tứ Phần cho phép đến 19 điều, không được hơn. Luật Căn Bản cho phép đến 25 điều, không được hơn. Phải cắt ra, với người nghèo nếu có uất-đa-la-tăng đã cắt thì dán điều vào làm tăng-già-lê cũng được.

Đây là nói đến y thứ ba “tăng-già-lê”, dịch sang tiếng Trung gọi là “y nặng”, bởi nó là hai chiếc y may vào nhau, nó là hai lớp nên khá nặng, không giống như y năm điều, y bảy điều chỉ có một lớp. Còn gọi là “y nhiều mảnh”, tức là trước tiên cắt vải thành nhiều mảnh, sau đó may ráp lại mà thành. Số điều khá nhiều, có chín điều, ít nhất là chín điều, hai ô dài, một ô ngắn, mỗi điều đều là hai dài một ngắn. Giống như chiếc y này của chúng tôi, đây là y 25 điều, bốn ô dài một ô ngắn, y chín điều là hai dài một ngắn. Trong luật Tăng-kỳ có thể cho phép “đến 15 điều”, không được vượt hơn. Luật Tứ Phần cho phép “đến 19 điều”, không được vượt hơn. Luật Căn Bản là nhiều nhất, cho phép “đến 25 điều”. Chỉ cần có luật làm căn cứ thì đều có thể được. “Phải cắt ra”, sau khi cắt ra lại đem chúng may lại. Nếu người nghèo có “uất-đa-la-tăng đã cắt” chính là làm từ y bảy điều, “dán điều”, chính là dán thêm hai điều thì thành y chín điều. “Dán điều làm tăng-già-lê” cũng được, hoặc trực tiếp dùng mạn y dán thành chín điều cũng được, đây là nói đến việc đắp y. Tiếp theo là thứ tư:

Ni-sur-đàn, đây gọi là tọa cụ, phải có hai lớp, dài bằng hai gang tay rưỡi của Phật, rộng bằng hai gang tay. Lúc nằm thì trải trên ngoại cụ để lót thân, khi ngồi thì trải trên đất để lót y.

“Ni-sur-đàn” dịch sang tiếng Trung là “tọa cụ”, chủ yếu là trải ra để chúng ta ngồi hoặc nằm ở trên, phải làm thành hai lớp. Đương nhiên trong luật Thập Tụng nói, cái mới thì làm hai lớp, nếu cái cũ thì có thể là bốn lớp, nhưng không được làm một lớp. Nếu chúng xuất gia chúng ta rời ni-sur-đàn mà qua đêm thì cũng phạm tội nhỏ, việc này không thể được. Kích thước của nó “dài bằng hai gang tay rưỡi của Phật”, về hai gang tay rưỡi thì trong tiểu chú nói là “5 thước Chu”. Một gang tay, đây là một gang tay, dùng một gang tay của Phật mà nói, nó sẽ tương đối lớn, cỡ hơn 2 thước, cho nên là 2 gang rưỡi, tức 5 thước Chu. Thước đây là thước thời nhà Chu, không phải thước thời nay của chúng ta, thước Chu tương đối nhỏ; độ rộng của nó là 2 gang tay, cũng chính là 4 thước Chu. Nói cách khác, nó không quá lớn.

Tọa cụ mà hiện nay rất nhiều người chúng ta dùng tương đối lớn, vượt quá tiêu chuẩn, như vậy không như pháp, phải dựa theo tiêu chuẩn kích cỡ của nó. Dựa theo luật thì nói rằng: “Chiều dài là hai gang tay của Phật, chiều rộng là một gang tay rưỡi, tăng độ dài rộng nửa gang tay”. Cần tăng thêm nửa gang tay, chính là một thước, cách làm là như vậy. Nếu thân thể của bạn tương đối lớn thì cần phải có tọa cụ tương đối lớn, bởi vì bạn ngồi lên trên thì nó phải phủ được đủ rộng, bạn mới có thể ngồi thoải mái, như vậy thì có thể tăng thêm một chút. Lúc ngủ thì phải trải nó trên ngoại cụ, ví dụ nói giường của chúng ta, đệm giường của chúng ta, phải đặt tọa cụ lên trên để nằm ngủ. Nếu khi chúng ta ngồi thì có thể đem nó trải dưới đất, hoặc trải trên đệm để ngồi, chủ yếu làm “đệm lót”, chính là kê lên để pháp y của chúng ta không bị ô nhiễm. Trải trên ngoại cụ, chúng ta trải trên ngoại cụ để ngủ cũng là đề phòng thân thể chúng ta nếu có ô uế thì sẽ không làm ô uế đến ngoại cụ của chư tăng, ngoại cụ của thường trụ.

Ở đây cũng đặc biệt nói một chút, trong luật Ngũ Phần nói phải dán bốn góc, phải dán vào bốn góc. Hơn nữa trong luật Tứ Phần cũng nói, phải đem tọa cụ cũ, lấy vải cỡ một gang tay, dán lên trên tọa cụ mới, làm vậy chủ yếu là để hoại sắc, khiến cho màu sắc của tọa cụ không được mới tinh, chúng ta phải dùng vật cũ, ý nghĩa là như vậy. Trong luật Căn Bản và Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyền cũng đặc biệt nói rằng, không cho phép trải ra khi lễ bái. Hiện nay có rất nhiều nơi dùng tọa cụ trải trên đất hoặc là trên bồ đoàn để lạy, việc này trong luật Căn Bản không cho phép. Hơn nữa sách Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyền cũng nói đến “năm khu vực ở Thiên Trúc - Tây Vực”, chính là năm khu vực ở Ấn Độ “hiếm khi nghe thấy”, rất ít nhìn thấy hoặc nghe thấy sự việc này. Thế nhưng ở Trung Quốc chúng ta hiện nay thông thường lễ bái đều phải trải tọa cụ, sự việc này căn cứ vào giảng ký của luật sư Thanh Công của chúng ta nói rằng, cũng không biết từ khi nào bắt đầu lưu truyền cách làm này. Tuy nhiên nếu nói khi lễ bái, vì để bảo vệ pháp y, bởi vì chúng ta phải lạy xuống, ví dụ nói lạy dưới đất thì y ở trên đất sẽ bị dơ, bạn trải trên đất để lễ bái, việc này có lẽ cũng không trở ngại gì, cho nên về việc có cần dùng để trải trên ngoại cụ hay không thì mọi người tự mình xem xét rồi vận dụng là được. Sau cùng còn có hai loại, chúng tôi đọc qua, giảng nhanh qua. Thứ năm là:

Bát-đa-la, đây gọi là vật chứa, hoặc bằng sành, hoặc bằng sắt, lớn không quá ba thăng, nhỏ không quá nửa thăng, dùng để khát thực.

“Bát-đa-la” dịch thành tiếng Trung gọi là “vật chứa”, thông thường chúng ta gọi là “bát”. Thể chất của nó, thể chất, màu sắc, dung lượng của vật chứa này đều phải như pháp. Nói về thể, thể chất của nó là dùng hai loại hoặc sành hoặc sắt, không được dùng chất liệu khác. Ngoại đạo dùng bát gỗ, người đời dùng bát bầy bấu, Phật dùng bát bằng đá, những thứ này tỳ-kheo chúng ta đều không được phép dùng, chỉ có thể dùng bát sành hoặc bát sắt. Bát sành thông thường khá nặng, cho nên thông thường chúng ta đa phần dùng bát sắt. Bát sành cũng dễ vỡ, bát sắt thì tương đối khó vỡ. Về sắc, tức màu sắc, chỉ được dùng màu đỏ, màu đen, hoặc màu lông chim bồ câu thì tương đối phù hợp.

Về lượng, độ lớn nhỏ của nó, chính là dung lượng, nếu dùng đầu thời Đường để nói thì bát thượng là một đấu, bát trung là bảy thăng rượu, bát hạ là năm thăng. Ở đây Ngẫu tổ nói: “Lớn không quá 3 thăng, nhỏ không quá nửa thăng”, đây là nói đến dùng đấu, đại khái đấu và thăng là giống nhau, ở đây phải gọi là đấu Chu, thời Chu dùng đấu khá nhỏ. Cho nên bát thượng là 3 đấu, bát trung là 2 đấu, bát hạ là nửa đấu, cũng chính là dung lượng hiện nay của chúng ta, đại khái cỡ 3.000 cc, nhỏ hơn chút, đây là bát nhỏ. Hiện nay chúng ta dùng bát này thì tương đối như pháp, có rất nhiều đạo tràng họ dùng bát nhỏ hơn một chút, lượng như vậy thì không như pháp. Bát nhỏ của tỳ-kheo-ni thì càng nhỏ hơn, bát nhỏ của tỳ-kheo chúng ta tương đương với bát trung của tỳ-kheo-ni, chính là hạ một cấp, tình hình là như vậy. Đây là dùng khi khát thực, đương nhiên khi ăn cơm, chúng ta cũng trực tiếp dùng thìa canh xúc vào bát nhỏ để ăn. Thứ sáu là:

Túi lọc nước làm từ lụa dày mịn khít, không có túi lọc nước thì không được đi xa 20 dặm. Đây là dùng để hộ sanh, là dụng cụ để cứu vật hành từ, tuyệt không thể thiếu.

“Túi lọc nước” chính là làm từ lụa trắng dày mịn khít. “Không được”, không thể không có túi lọc nước mà đi xa 20 dặm, 20 dặm chính là lộ trình xa nửa do-tuần, đây là vi phạm giới chế định, phạm tội nhỏ. Túi lọc nước là vật dụng hết sức quan trọng để từ bi cứu giúp hộ sanh, bởi vì nếu chúng ta muốn uống nước trên núi, nước trên núi có vi trùng, chúng ta phải lọc qua rồi mới có thể uống. Nếu không có túi lọc nước, trực tiếp uống nước có trùng thì sẽ phạm giới sát sanh.

Đây là nói đến sáu vật dụng của tỳ-kheo, chúng là tướng trạng oai nghi bên ngoài của chúng ta, không được để thiếu, chúng cũng có tác dụng đối với việc hộ trì hình tượng của tăng bảo, hộ trì chánh pháp. Cho nên, trong kinh Hoa Nghiêm nói:

“Thọ trì đầy đủ giáo pháp oai nghi, do vậy có thể khiến tăng bảo không mất.” Cho nên không được xem thường vì sao ăn cơm còn phải đắp y ôm bát, vì sao còn phải cả ngày mang theo sáu vật dụng, những thứ này đều là để thọ trì giới pháp oai nghi được đầy đủ, chúng có công đức có thể khiến tăng bảo không bị đoạn tuyệt. Câu sau cùng là:

Kệ và chú đắp y, văn tự trong luật không ghi chép, có lẽ không cần dùng. Trong luật quan trọng nhất là trong tất cả thời đều chuyên tu quán tứ niệm xứ, không thể không khẩn thiết xem trọng.

Đây là nói đến khi đắp y, như trong Tỳ-ni Nhật Dụng có những bài kệ, những câu chú v.v. cần phải đọc. Tụng kệ, tụng chú, điều này trong văn tự của giới luật không có ghi chép, có vẻ không cần dùng đến, đương nhiên nếu bạn muốn dùng cũng không sao. Quan trọng nhất, trong luật điển chú trọng nhất là “trong tất cả thời”, trong 24 giờ đều phải tu quán tứ niệm xứ, đó là “quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”, phép quán tứ niệm xứ này, đây là một loại quán sát trí tuệ, quán sát tất cả pháp thuộc ngũ uẩn đều là tình trạng như vậy.

Ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc này, thân chính là thuộc về sắc. Quán thân bất tịnh, nội sắc, ngoại sắc, tức thân mình và thân người đều bất tịnh; quán thọ là khổ, thọ đây là thọ uẩn, là một loại khổ, bất luận bạn cảm thấy vui hay đau khổ cũng đều là khổ, vui cũng là hoại khổ, bởi vì nó sẽ mất đi, chẳng thể dài lâu; quán tâm vô thường, tâm này của chúng ta là tâm của ý thức, trong từng sát-na mỗi niệm đang sanh diệt không ngừng, chiêu cảm cảnh giới bên ngoài cũng là vô thường; quán pháp vô ngã, pháp này bao gồm hai uẩn “tưởng” và “hành”, tâm là thức uẩn, Tiểu thừa thường gọi là thức thứ sáu, tưởng và hành đều thuộc về pháp, đều là do duyên mà sanh, thể của nó là không, là vô ngã, cũng là vô thường. Đây là quán sát các pháp thuộc ngũ uẩn, hết thấy sắc pháp và tâm pháp đều có tình hình như vậy, đây là quán tứ niệm xứ. Như vậy mới có thể nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ, có thể đoạn phiền não, được giải thoát, cho nên “không thể không khẩn thiết xem trọng.”

Do vậy, đại sư Ngẫu Ích từng nói: “Không hiểu trí tuệ của niệm xứ thì phí công tụng mộc-xoa.” Nếu không tu quán tứ niệm xứ, Đại thừa, Tiểu thừa đều có quán tứ niệm xứ, như đại sư Trí Giả có trước tác riêng bộ sách Tứ Niệm Xứ, đã dung hội quán thông Đại thừa lẫn Tiểu thừa để giảng giải, đều cần phải tu học, khởi quán chiếu. Bằng không bạn tụng giới cũng là tụng uống công, học giới cũng không được lợi ích định tuệ chân thật.

Đến đây chúng tôi đã giảng xong toàn bộ kinh văn của Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu, phía sau còn có một đoạn phụ lục, chúng ta sẽ tìm thời gian để học tập tiếp. Trong toàn bộ quá trình giảng giải, nếu có chỗ nào không thỏa đáng, xin mọi người hãy phê bình góp ý thêm, cảm ơn mọi người.